

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Ngọc Mai;
- Bà Lâm Thị Ngọc Huệ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp 5, xã T2, huyện C, tỉnh L, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Điền E, sinh năm: 1994; Địa chỉ: ấp 5, xã T2, huyện C, tỉnh L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Vợ chồng bà T tổ chức đám cưới năm 2018. Trước khi tiến tới hôn nhân, bà T và ông Điền E có tìm hiểu nhau được 04 năm. Vợ chồng bà có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T2 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42/2018 ngày 06/06/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình bên bà T. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khi bà T sinh con xong. Nguyên nhân mâu thuẫn là sau khi bà T sinh con xong thì ông Điền E không quan tâm đến vợ con, không phụ bà T chăm sóc con, không phụ tiền nuôi con, không phụ bà T việc nhà. Còn ông Điền E đi làm xong không chịu về nhà, mà còn đi chơi, vợ chồng chung công ty nhưng không có đi làm chung, mạnh ai nấy đi làm, hết giờ bà T về nhà còn ông Điền E đi đâu thì bà T không biết.

Khi ông Điền E cần vốn để làm ăn thì bà T có đưa tiền cho ông Điền E làm ăn nhưng việc làm của ông Điền E không hiệu quả, sau đó ông Điền E không đưa tiền cho bà T nữa. Các chi phí sinh hoạt gia đình, chi phí nuôi con đều do bà T lo. Hơn 01 năm nay, ông Điền

E không đưa chi phí sinh hoạt cho bà T. Ngoài ra, ông Điền E còn có đánh bạc, thường xuyên uống rượu. Khi mâu thuẫn xảy ra thì bà T có trao đổi khuyên ông Điền E nhưng ông Điền E không thay đổi nên bà T không nói nữa. Mặc dù hiện nay, vợ chồng bà T vẫn còn sống chung nhà nhưng bà T và ông Điền E không còn quan tâm đến nhau, nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với ông Điền E nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Điền E.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần T.A, sinh ngày 19/8/2019. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Điền E cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà T đang làm nhân viên kiểm hàng, trường hợp không tăng ca thì lương khoảng 6.000.000 đồng/tháng, trường hợp tăng ca thì lương khoảng 8.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bà T còn có nguồn thu nhập từ việc bán bánh tráng và chơi hụi. Trong thời gian bà T đi làm thì cháu T.A được gửi nhà trẻ, chiều chị ruột của bà T rước về giùm, tối bà T về chăm sóc con. Khu vực nhà bà T đang sinh sống gần trường học, gần bệnh viện nên có điều kiện chăm sóc con tốt hơn ông Điền E. Hơn nữa, con chung của vợ chồng là con gái, bà T cho rằng ông Điền E chăm sóc con không được thuận tiện.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn Điền E trình bày:

Ông Điền E thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian đăng ký kết hôn, về quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, lời trình bày của bà T về việc ông Điền E uống rượu xảy ra mâu thuẫn là không đúng, ông Điền E có uống rượu nhưng không có to tiếng với vợ con, không có đánh vợ con, có đánh bạc bằng hình thức đá gà, nhưng không có gây nợ nần để vợ phải nuôi. Theo ông Điền E mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ phía bà T. Ông Điền E có đi làm có thu nhập để lo cho vợ con, nhưng bà T yêu cầu ông Điền E phải chăm lo cho cả gia đình bà T bởi vì ông Điền E ở bên gia đình vợ nhưng khả năng tài chính của ông Điền E hiện nay không đủ khả năng để chăm lo cho cả gia đình vợ. Chính vì vậy, bà T có những lời nói không hay với ông Điền E, gây áp lực đối với ông Điền E, làm cho đời sống tình cảm vợ chồng trở nên lạnh nhạt. Ngoài ra, trong lúc thời điểm nghỉ dịch ở nhà, ông Điền E còn phát hiện bà T thường xuyên nhắn tin qua lại với người đàn ông khác vào đêm khuya, ông Điền E có gần hỏi thì bà T nói là bạn bè, thời điểm đó ông Điền E có chụp lại những tin nhắn của bà T, nhưng do ông Điền E không muốn làm lớn chuyện nên ông đã xóa bỏ. Theo ông Điền E, những lời nói của bà T đối với ông Điền E khi vợ chồng tranh cãi về kinh tế gia đình khiến ông Điền E rất mệt mỏi, nếu không có con chung ông Điền E sẽ đồng ý ly hôn với bà T nhưng vì vợ chồng có con chung, ông Điền E rất thương con, không muốn con thiếu thốn tình cảm cha hay mẹ nên ông Điền E chấp nhận bỏ qua hết những việc làm không đúng của bà T đối với ông Điền E để tiếp tục chung sống với bà T. Tại phiên tòa, ông Điền E đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông Điền E được ly hôn, ông Điền E cũng có yêu cầu được nuôi con chung. Hiện tại ông Điền E đang làm công nhân thu nhập của ông nếu không tăng ca là khoảng 6.000.000 đồng/tháng, trường hợp có tăng ca thì lương khoảng 8.000.000 đồng/tháng -10.000.000 đồng/tháng. Nếu vợ chồng ly hôn, ông Điền E sẽ đưa con về quê ở Đồng Tháp sinh sống. Ông Điền E không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, chung, nợ chung: Không có.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 35, 39, 97, 98, 195, 196 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T đối với ông Điền E

Về con chung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cho bà T được nuôi dưỡng con chung tên Trần T Anh, sinh ngày 19/8/2019. Bà T không yêu cầu ông Điền E cấp dưỡng nuôi con nên không xE xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xE xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Điền E có nơi cư trú tại ấp 5, xã T2, huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Văn Điền E có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42/2018 ngày 06/6/2018, nên xác định hôn nhân của vợ chồng bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà T, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi bà T sinh con xong thì mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Điền E không quan tâm đến vợ con, không phụ bà T chăm sóc con, không phụ tiền nuôi con, không phụ bà T việc nhà. Còn ông Điền E đi làm xong không chịu về nhà, mà còn đi chơi, vợ chồng chung công ty nhưng không có đi làm chung, mạnh ai nấy đi làm, hết giờ bà T về nhà còn ông Điền E đi đâu thì bà T không biết. Các chi phí sinh hoạt gia đình, chi phí nuôi con đều do bà T lo. Hơn 01 năm nay, ông Điền E không đưa chi phí sinh hoạt cho bà T. Ngoài ra, ông Điền E còn có đánh bạc, thường xuyên uống rượu. Về phía ông Điền E, ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ phía bà T, ông Điền E sinh sống chung với gia đình bên vợ, trong thời gian sống chung với gia đình vợ, bà T yêu cầu ông Điền E phải chăm lo luôn cho cả gia đình vợ nhưng khả năng tài chính của ông Điền E không cho phép từ đó bà T có những lời nói không hay đối với ông Điền E. Ngoài ra, ông Điền E cũng phát hiện bà T thường xuyên nhắn tin qua lại người đàn ông khác, ông Điền E có hỏi thì bà T nói rằng chỉ là bạn bè. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, về phía ông Điền E trình bày bà T đã kiên quyết ly hôn nên ông Điền E cũng đồng ý ly hôn với bà T nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa bà T đối với ông Điền E.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần T.A, sinh ngày 19/8/2019. Khi ly hôn bà T và ông Điền E đều có yêu cầu nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông Điền E đều xác định từ trước tới nay cháu T Anh đều sinh sống chung với gia đình bà T, điều đó cho thấy môi trường sống của cháu T Anh đã ổn định, hơn nữa, cháu T.A là nữ nên giao cho cháu T Anh cho bà T nuôi dưỡng

là phù hợp hơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Túu Anh cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Điền E đều xác định không có.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Văn Điền E phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với bị đơn ông Trần Văn Điền E;

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Văn Điền E.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm T nuôi dưỡng con chung tên Trần T.A, sinh ngày 19/8/2019. Ông Trần Văn Điền E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005564 ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C sang án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã T2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân